TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 37/2018/HSST
Ngày 11-7-2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

2. Ông Nguyễn Đình Xuyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Trọng Tú -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Liên Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/TLST-HS, ngày 20/6/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXX-ST ngày 28/6/2018 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Tiến M** - sinh năm 1994 tại thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Khu 02, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm Quang H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1962; có vợ là Trịnh Thị T - sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2014; tiền sự, tiền án: Không; danh chỉ bản số 052 do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 30/01/2018; bị bắt tạm giữ ngày 30/01/2018, chuyển tạm giam ngày 02/02/2018, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. **Trịnh Anh C** - sinh năm 1994 tại thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Khu 02, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Minh H - sinh năm 1964 và bà Bùi Thị H - sinh năm 1964; có vợ là Khổng Thị Hồng V - sinh năm 1999 và 01 con sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không;

danh chỉ bản số 051 do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 30/01/2018; bị bắt tạm giữ ngày 29/01/2018 đến ngày 01/02/2018, thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và được tại ngoại. Có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Văn T- sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở hiện nay: Khu 03, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào hồi 20 giờ 45 phút ngày 29/01/2018, tại đoạn đường trước cổng trường mầm non H thuộc khu 02, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Công an huyện Cẩm Khê phối hợp cùng với Công an thị trấn Sông Thao phát hiện, bắt quả tang Trịnh Anh C đang có hành vi bán trái phép chất ma tuý cho Lê Văn T - sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, chỗ ở hiện nay: Khu 03, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của T: 01 (một) gói giấy có 02 mặt màu trắng (loại giấy hút ẩm, bên ngoài gói giấy được dán xung quanh bằng băng dính màu đen, bên trong có chứa gói nilon màu trắng có viền màu xanh ở miệng gói, bên trong có chứa chất chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen đã qua sử dụng, bên trong có chứa sim số 0968.525.996;

Thu giữ của C: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng, bên trong có chứa sim số 0945.607.919; 01 (một) ví màu nâu đã cũ; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 132295082 mang tên Trịnh Anh C; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 018664 mang tên Trịnh Anh C; 01 (một) Giấy phép lái xe số 25133014412 - Hạng A1 mang tên Trịnh Anh C; 01 (một) Giấy phép lái xe số 25133014412 - Hạng C mang tên Trịnh Anh C;

Tại chỗ bị bắt, Công khai số ma túy trên là do Phạm Tiến M nhờ C bán hộ cho T.

Khám xét nơi ở của Phạm Tiến M, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) gói nilon màu trắng, nắp gói có viền màu xanh, bên trong gói nilon có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong theo quy định; 01 (một) cuộn băng dính hình tròn, màu đen, đã sử dụng một phần; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim số 0972.348.164; 01 (một)

điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, bên trong không có sim; 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại kết luận giám định số 235/KLGĐ ngày 02/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

"Mẫu vật gửi đến giám định ở dạng chất rắn tinh thể màu trắng (trong bì ghi vật chứng thu giữ của Lê Văn Toàn), là ma tuý; có trọng lượng (khối lượng) là: ***0,094 gam****, loại Methamphetamine.*

Mẫu vật gửi đến giám định ở dạng chất rắn tinh thể màu trắng (trong bì ghi vật chứng thu giữ của Phạm Tiến Mạnh), là ma tuý; có trọng lượng (khối lượng) là: ***0,084 gam****, loại Methamphetamine.*

Methamphetamine *là chất ma tuý nằm trong Danh mục II, số thứ tự 67, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.*

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 29/01/2018, Trịnh Anh C đến nhà Phạm Tiến M chơi. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/01/2018, M nhận được cuộc điện thoại của Lê Văn T gọi đến nhưng M không nghe máy, sau đó M dùng điện thoại của mình gọi điện thoại lại cho T, qua điện thoại M và T thỏa thuận M bán cho T 01 gói ma túy với giá 500.000đ và hẹn nhau giao dịch ở cổng trường mầm non H (gần nhà M). Do lúc này con của M khóc, nên M cầm một gói giấy đưa cho C và bảo: *"Mày cầm gói ma tuý này ra bán cho thằng T đang ở cổng trường mầm non H và cầm 500.000đ về"*. C không đi và bảo với M là: *"Mày đi mà bán, tao không muốn dính dáng đến gói ma tuý này"*. M nói với C: *"Mày bán hộ tao gói ma tuý đá này, tao không muốn gặp thằng T"* do M nài nỉ nên C đã đồng ý, C cầm gói ma tuý đi đến cổng trường mầm non H thuộc khu 2, thị trấn S, huyện C gặp Lê Văn T đưa cho T gói ma túy và nhận của T 500.000đ, khi C và T vừa mua bán xong thì bị Công an huyện Cẩm Khê bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý như đã nêu trên.

Ngoài ra, Phạm Tiến M khai nhận còn có 01 lần bán trái phép chất ma tuý cho Lê Văn T và 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Lê Quang H - sinh năm 1990, nơi ĐKHKTT: Khu 11, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào buổi tối, một ngày cuối tháng 12 năm 2017, M đang ở nhà thì H gọi điện thoại cho M, hỏi mua 500.000đ ma tuý. M đồng ý và hẹn H đến cổng trường tiểu học Thị trấn So. Đến điểm hẹn, M gặp H và bán cho H 01 gói ma tuý đá với giá 500.000đ.

Lần 2: Vào buổi tối cách lần 1 khoảng 1 tuần, M đang ở nhà thì H gọi điện thoại cho M, hỏi mua 500.000đ ma tuý. M đồng ý và hẹn H đến cổng trường tiểu học Thị trấn S. Đến điểm hẹn, M gặp H và bán cho H 01 gói ma tuý đá với giá 500.000đ.

Lần 3: Vào khoảng 19 giờ ngày 25/01/2018, H gọi điện thoại cho M, hỏi mua 500.000đ ma tuý. M đồng ý và hẹn H đến cổng trường tiểu học Thị trấn S. Đến điểm hẹn, M gặp H và bán cho H 01 gói ma tuý đá với giá 500.000đ. H chỉ có 300.000đ nên đã nợ M 200.000đ.

Lần 4: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 29/01/2018, M đang ở quán điện tử nhà ông Q ở thị trấn S thì T sử dụng số điện thoại 0968.525.996 gọi cho M vào số điện thoại 0945.607.919 (Đây là số điện thoại M mượn của C để sử dụng từ sáng ngày 29/01/2018, C không biết M mượn để sử dụng vào mục đích mua bán chất ma túy) hỏi mua 500.000đ ma tuý đá. M đồng ý và hẹn T đến trước cửa hàng Honda B ở thị trấn S – C để mua bán. Sau đó, M về nhà lấy 01 gói ma tuý đá đem đến điểm hẹn bán cho T 01 gói ma tuý đá với giá 500.000 đồng.

0,084 gam, loại Methamphetamine bị Cơ quan điều tra khám xét, thu giữ tại nơi ở của M, M khai nhận tàng trữ nhằm mục đích để bán cho người khác.

Số tiền có được từ việc bán ma tuý cho H và T, M đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Về nguồn gốc số ma tuý đá bán cho T, H và số ma tuý đá M tàng trữ tại nơi ở, M khai nhận mua của một người đàn ông lạ mặt Hà Nội. M không biết tên tuổi, địa chỉ của người này. Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê không xác minh được người đàn ông đã bán ma túy như M đã khai.

Đối với các giấy tờ Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê thu giữ của Công trong quá trình bắt giữ, xác định không liên quan đến vụ án nên ngày 13/4/2018 Cơ quan CSĐT công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho Trịnh Anh C các giấy tờ gồm: 01 (một) chứng minh nhân dân số 132295082 mang tên Trịnh Anh C; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 018664 mang tên Trịnh Anh C; 01 (một) giấy phép lái xe số 25133014412 – Hạng A1 mang tên Trịnh Anh C; 01 (một) giấy phép lái xe số 25133014412 – Hạng C mang tên Trịnh Anh C.

Đối với Lê Văn T, xác định T đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý và tàng trữ trái phép chất ma tuý để sử dụng cho bản thân vào ngày 29/01/2018. Số ma tuý mà T tàng trữ có trọng lượng 0,094 gam, loại Methamphetamine, bản thân T không có tiền án, tiền sự về hành vi quy định tại các Điều 248, 249, 250, 251, 252 Bộ luật hình sự nên Công an huyện Cẩm Khê đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T.

Đối với Lê Quang H, xác định H đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý nên Công an huyện Cẩm Khê đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKS, ngày 19/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã quyết định truy tố: Phạm Tiến M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 điều 251 của Bộ luật hình sự; Trịnh Anh C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Tiến M, Trịnh Anh C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 251; Điểm s, t Khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Tiến M.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s, t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 54; 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Anh C.

Xử phạt các bị cáo:

1.1.Phạm Tiến M từ 04 đến 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 30/01/2018.

1.2.Trịnh Anh C 12 (Mười hai) tháng tù. Trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (Từ ngày 29/01/2018 đến ngày 01/02/2018), bị cáo C còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 27 (Hai mươi bẩy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 và Điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 bì giấy dán kín số 235/KLGĐ của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ, bên trong có 0,075gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong, có đóng 05 dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ; 01 bì giấy dán kín số 235/KLGĐ của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ, bên trong có 0,064gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định, được niêm phong, có đóng 05 dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ; 02 sim điện thoại di động gồm các số 0968.525.996, 0972.348.164; 01 cuộn băng dính hình tròn màu đen đã sử dụng một phần, 01 ví màu nâu đã cũ.

- Tịch thu của: bị cáo Phạm Tiến M 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng; bị cáo Trịnh Anh C 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); anh Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng để sung quỹ nhà nước.

- Bị cáo Phạm Tiến M phải nộp 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho các bị cáo Trịnh Anh C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng bên trong có 01 sim số 0945.607.919; Phạm Tiến M 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

-Xác nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã giao trả cho bị cáo Trịnh Anh C: 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Anh C, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Trịnh Anh C, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trịnh Anh C, 01 Giấy phép lái xe hạng C mang tên Trịnh Anh C.

4. Về án phí:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phạm Tiến M, Trịnh Anh C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và có lời nói sau cùng là: Các bị cáo rất ân hận về hành vi của bản thân, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và bị cáo cam đoan không bao giờ vi phạm pháp luật hoặc phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 12/2017 đến ngày

29/01/2018, bị cáo Phạm Tiến M có hành vi 06 lần bán trái phép chất ma túy cho người khác (02 lần bán cho anh Lê Văn T, 03 lần bán cho anh Lê Quang H và 01 lần tàng trữ nhằm mục đích để bán cho người khác) và thu lợi bất chính 1.800.000 đồng. Bị cáo Trịnh Anh C do nể lời nhờ của bị cáo Phạm Tiến M mà thực hiện hành vi giao ma túy cho anh Lê Văn T và nhận 500.000đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Tiến M đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung là phạm tội nhiều lần và phạm tội đối với nhiều người theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 điều 251 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Trịnh Anh C đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 điều 251 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Phạm Tiến M, Trịnh Anh C là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý, sử dụng chất ma túy của nhà nước, góp phần làm lan truyền tệ nạn nghiện hút ma túy; xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Trong vụ án này, bị cáo Phạm Tiến M có vai trò chính và hành vi của bị cáo M thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo Trịnh Anh C là đồng phạm với bị cáo M trong 01 lần bán ma túy cho anh Lê Văn T với vai trò là người thực hành và hành vi của bị cáo C thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[4]. Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền sự, tiền án. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chấp hành nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và quy định của địa phương nơi cư trú.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực giúp đỡ Cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trịnh Anh C còn được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự, cụ thể: Bố đẻ bị cáo là thương binh hạng 3.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, trên cơ sở để phục vụ công tác đấu tranh chống, phòng ngừa chung tội phạm và tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là áp dụng hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định đối với các bị cáo theo quy định tại điều 54 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 251 của Bộ luật hình sự, thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, kết quả xác minh của Cơ quan điều tra và lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo sống cùng gia đình, không

có tài sản riêng. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Số ma túy đã thu giữ của bị cáo Phạm Tiến M và anh Lê Văn T còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành; 01 cuộn băng dính hình tròn màu đen thu giữ của bị cáo M không còn giá trị sử dụng; 01 ví màu nâu thu giữ của bị cáo Công không còn giá trị sử dụng và bị cáo không yêu cầu nhận lại; 02 sim điện thoại di động đã thu giữ không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu để tiêu hủy các vật chứng trên. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của anh Lê Văn T và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu giữ của bị cáo M đều là phương tiện phạm tội. 500.000đ thu giữ của bị cáo C là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của bị cáo C và 50.000đ thu giữ của bị cáo M không liên quan tới tội phạm, cần trả lại cho các bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền mà bị cáo M thu lợi bất chính là 1.800.000đ, cần truy thu sung quỹ nhà nước. Các giấy tờ mà Cơ quan CSĐT đã giao trả cho bị cáo C với lý do không liên quan tới tội phạm, là đúng quy định của pháp luật, cần xác nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, Công an huyện Cẩm Khê ra Quyết định xử lý hành chính đối với các anh Lê Văn T về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy và anh Lê Quang H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với lý do như nội dung bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Tiến M, Trịnh Anh C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 251; Điểm s, t Khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Tiến M.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s, t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 54; 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Anh C.

Xử phạt các bị cáo:

1.1.Phạm Tiến M 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 30/01/2018.

1.2.Trịnh Anh C 12 (Mười hai) tháng tù. Trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (Từ ngày 29/01/2018 đến ngày 01/02/2018), bị cáo Công còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 27 (Hai mươi bẩy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 và Điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 bì giấy dán kín số 235/KLGĐ của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ, bên trong có 0,075gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong, có đóng 05 dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ; 01 bì giấy dán kín số 235/KLGĐ của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ, bên trong có 0,064gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định, được niêm phong, có đóng 05 dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ; 02 sim điện thoại di động gồm các số 0968.525.996, 0972.348.164; 01 cuộn băng dính hình tròn màu đen đã sử dụng một phần, 01 ví màu nâu đã cũ (Có đặc điểm theo Biên bản giao vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê ngày 20/6/2018).

- Tịch thu của: bị cáo Phạm Tiến M 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng; bị cáo Trịnh Anh C 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); anh Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng để sung quỹ nhà nước (Có đặc điểm như Biên bản giao vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê ngày 20/6/2018).

- Bị cáo Phạm Tiến M phải nộp 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho các bị cáo Trịnh Anh C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng bên trong có 01 sim số 0945.607.919; Phạm Tiến M 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

-Xác nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã giao trả cho bị cáo Trịnh Anh C: 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Anh C, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Trịnh Anh C, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trịnh Anh C, 01 Giấy phép lái xe hạng C mang tên Trịnh Anh C (Theo biên bản giao trả ngày 13/4/2018 có lưu trong hồ sơ vụ án).

4. Về án phí:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phạm Tiến M, Trịnh Anh C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Cẩm Khê;
-VKSND tỉnh Phú Thọ;
-Trại tạm giam CA tỉnh Phú Thọ;
-CQCSĐT CA huyện Cẩm Khê;
-THADS huyện Cẩm khê;
-THAHS;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng